TRƯỜNG ĐẠI HỌC TDTT ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM GDQPAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH K26- ĐẠI HỌC DUY TÂN KHÔNG ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ GDQPAN
Khóa học 26/12/2022 đến 15/01/2023

TT	MA SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp/Khóa	Nơi sinh	HP1	HP2	HP3	HP4	Điểm TBC	Xếp loại	Đại đội	Tiểu đội	GHI CHÚ
1	26203835253	Lê Thị Thanh Duyên	12/11/2002	K26NHB1	Quảng Nam	8	7.6	8.4	KĐ	Ko đạt	Không đạt	1	2	
2	26203835850	Lư Thị Hoàng Oanh	01/01/2002	K26NHB1	Quảng Nam	7.6	CT	6	6.4	Ko đạt	Không đạt	1	3	
3	26203842781	Mang Thị Phúc	03/12/2001	K26NHB1	Phú Yên	KH	KH	7.4	7.4	Ko đạt	Không đạt	1	3	
4	26203824795	Trần Thị Mai Thương	21/10/2002	K26NHB1	Đà Nẵng	CT	5.6	7.4	8.8	Ko đạt	Không đạt	1	4	
5	26203823475	Hà Thị Thương	17/03/2002	K26NHB2	Nghệ An	CT	7.6	6.4	8.4	Ko đạt	Không đạt	1	7	
6	25213310460	Hoàng Văn Thái	10/03/2001	K26NHB3	Quảng Bình	7.4	CT	8.4	9	Ko đạt	Không đạt	1	9	
7	26203836205	Phan Hoàng Oanh	25/11/2002	K26NHB4	Quảng Nam	CT	7	6.8	6.4	Ko đạt	Không đạt	1	12	
8	26203834993	Huỳnh Thị Hoài Thương	15/02/2001	K26NHB4	Quảng Nam	CT	CT	7	7.6	Ko đạt	Không đạt	1	13	
9	26213830408	Nguyễn Thái Duy Quốc	28/10/2001	K26NHD	Đà Nẵng	5.8	CT	8.4	8	Ko đạt	Không đạt	1	15	
10	26203100114	Nguyễn Thị Thiên Thanh	09/09/2000	K26NAB1	Đà Nẵng	KH	KH	8.2	9	Ko đạt	Không đạt	2	3	
11	26203100106	Nguyễn Uyên Phương	30/10/2002	K26NAB3	Đà Nẵng	CT	7.2	8.4	8.4	Ko đạt	Không đạt	2	8	
12	26213234677	Tạ Quang Tùng	16/12/2002	K26NAB4	Đà Nẵng	CT	CT	8.2	8.4	Ko đạt	Không đạt	2	11	
13	26202242441	Lê Duy Khánh Hà	31/01/2002	K26NAB5	Đà Nẵng	CT	6.6	8.2	8.8	Ko đạt	Không đạt	2	12	
14	26203131237	Nguyễn Bá Kiều Trâm	06/08/2002	K26NAB5	Đà Nẵng	7.6	CT	7	8.6	Ko đạt	Không đạt	2	13	
15	25213216984	Hoàng Ngọc Nguyên Anh	18/12/2001	K26NAD	Đà Nẵng	CT	7.2	8.2	9	Ko đạt	Không đạt	2	13	
16	26207130656	Nguyễn Hà Hoài Giang	23/12/2002	K26NAD1	Quảng Nam	6.8	8.4	KH	KH	Ko đạt	Không đạt	2	14	
17	25211208677	Võ Hoàng Thắng	20/11/2001	K26NAD1	Đà Nẵng	CT	6.4	8.4	7.8	Ko đạt	Không đạt	2	16	

TT	MA SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp/Khóa	Nơi sinh	HP1	HP2	HP3	HP4	Điểm TBC	Xếp loại	Đại đội	Tiểu đội	GHI CHÚ
18	26213235243	Trần Vĩnh Niên	17/09/2000	K26NAD3	Đắk Lắk	CT	CT	8.4	9.4	Ko đạt	Không đạt	2	20	
19	26203221781	Nguyễn Mai Phương Thảo	24/11/2002	K26NAD3	Gia Lai	CT	CT	8.2	8	Ko đạt	Không đạt	2	20	
20	26211300110	Phan Trường Huy	29/05/2002	K26CKO4	Quảng Ngãi	7.2	CT	CT	8.4	Ko đạt	Không đạt	3	1	
21	26212242605	Lê Quốc Khánh	13/06/2002	K26CKO6	Hà Tĩnh	7.2	CT	6.8	8.8	Ko đạt	Không đạt	3	7	
22	26211334757	Trần Nguyễn Bảo Ngọc	16/11/2002	K26CKO6	Đà Nẵng	6.8	7.2	CT	8.6	Ko đạt	Không đạt	3	8	
23	26211335379	Nguyễn Nhật Vũ	22/04/2002	K26CKO6	Đà Nẵng	6.8	CT	6.4	8.4	Ko đạt	Không đạt	3	9	
24	26211333732	Nguyễn Xuân Vương	23/09/2002	K26CKO1	Gia Lai	6.8	CT	7.8	8.6	Ko đạt	Không đạt	4	4	
25	26211332829	Nguyễn Hồng Minh Đức	06/01/2002	K26CKO3	Bình Định	6.6	7.8	5.8	CT	Ko đạt	Không đạt	4	8	
26	26218634310	Trịnh Minh Quốc	10/10/1999	K26HP-LKT	Hà Nội	KĐ	KĐ	KH	KH	Ko đạt	Không đạt	5	2	
27	26218735279	Trần Minh Nguyên	13/10/2002	K26LTH	Đắk Lắk	8.2	CT	7.8	9.4	Ko đạt	Không đạt	5	11	
28	26218733275	Phạm Trung Thông	08/10/2002	K26LTH	Quảng Nam	7.6	CT	7.6	8.4	Ko đạt	Không đạt	5	12	
29	26218736267	Võ Ngọc Vinh	21/06/2002	K26LTH	Quảng Nam	KĐ	5	KH	KH	Ko đạt	Không đạt	5	12	
30	26205129350	Cao Thị Anh Thư	27/09/2002	K26YDD1	Đà Nẵng	KH	KH	7.4	7.2	Ko đạt	Không đạt	6	4	
31	26205131691	Nguyễn Lại Yến Linh	10/06/2002	K26YDD2	Gia Lai	7.6	8.4	6.8	KĐ	Ko đạt	Không đạt	6	6	
32	25205117592	Lưu Lệ Trúc Vy	31/07/2001	K26YDD2	Đà Nẵng	7.6	CT	7	8.8	Ko đạt	Không đạt	6	7	
33	26203335465	Lê Thị Thanh Na	27/07/2002	K26NTQ6	Quảng Nam	7	6.8	KH	KH	Ko đạt	Không đạt	7	7	
34	26217224523	Phạm Quang	20/10/2002	K26NTQ6	Quảng Nam	CT	KH	KH	KH	Ko đạt	Không đạt	7	7	
35	26203336878	Trần Thị Ngọc Anh	13/11/2002	K26NTQ7	Kon Tum	CT	KH	KH	KH	Ko đạt	Không đạt	7	9	
36	26203331764	Bùi Tâm Anh	05/05/2002	K26NTQ2	Đà Nẵng	CT	5.6	6.6	7.2	Ko đạt	Không đạt	8	5	
37	26203332850	Nguyễn Thị Thanh Bình	01/11/2002	K26NTQ2	Quảng Nam	CT	6.8	6.2	6.4	Ko đạt	Không đạt	8	5	
38	26203324053	Phạm Thị Thùy Dương	24/10/2002	K26NTQ2	Đà Nẵng	7.8	7.6	KH	KH	Ko đạt	Không đạt	8	5	

TT	MA SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp/Khóa	Nơi sinh	HP1	HP2	HP3	HP4	Điểm TBC	Xếp loại	Đại đội	Tiểu đội	GHI CHÚ
39	26211234123	Lê Duy Khoa	22/12/2002	K26TPM10	Thừa Thiên Huế	7.6	CT	8	7.4	Ko đạt	Không đạt	10	5	
40	26211223460	Lê Quốc Trung	28/03/2002	K26TPM10	Bình Định	CT	7.6	7.6	6.4	Ko đạt	Không đạt	10	6	
41	26211242419	Nguyễn Bùi Minh Huy	10/08/2002	K26TPM4	Quảng Nam	KH	KH	6.4	8.8	Ko đạt	Không đạt	11	1	
42	26211235907	Đinh Văn Công	17/11/2000	K26TPM5	Hưng Yên	KĐ	KĐ	KH	KH	Ko đạt	Không đạt	11	4	
43	26211242218	Hoàng Trung Thực	23/01/2002	K26TPM7	Gia Lai	CT	7.8	8.4	8.4	Ko đạt	Không đạt	11	12	
44	26211235825	Trần Phước Toàn	20/07/2002	K26TPM7	Đà Nẵng	KĐ	KĐ	KH	KH	Ko đạt	Không đạt	11	12	
45	26211228997	Nguyễn Hữu Dũng	10/10/2002	K26TPM8	Quảng Bình	KĐ	KĐ	KH	KH	Ko đạt	Không đạt	11	13	
46	26211234452	Ngô Công Hậu	25/12/2001	K26TPM8	Quảng Nam	KĐ	KĐ	KH	KH	Ko đạt	Không đạt	11	13	
47	26211200656	Hoàng Trọng Tâm	04/03/1997	K26TPM8		KĐ	KĐ	KH	KH	Ko đạt	Không đạt	11	14	
48	26211935473	Phạm Phú Huy	06/02/2002	K26TPM	Đà Nẵng	7.8	6.4	8	KĐ	Ko đạt	Không đạt	12	2	
49	26216130626	Ngô Đình Anh Khoa	22/12/2002	K26TPM	Đà Nẵng	7	CT	7.2	6.4	Ko đạt	Không đạt	12	2	
50	26217126457	Trần Văn Tuấn	05/02/2002	K26TPM	Đà Nẵng	CT	CT	7.2	7.8	Ko đạt	Không đạt	12	4	
51	26214327403	Phạm Xuân Phước	31/05/2002	K26TPM1	Đà Nẵng	6.8	CT	7.8	8.8	Ko đạt	Không đạt	12	6	
52	26211234451	Hồ Minh Hoàng	08/07/2002	K26TPM2	Quảng Nam	KĐ	KĐ	KH	KH	Ko đạt	Không đạt	12	8	
53	26211236144	Phạm Đăng Khoa	13/07/2002	K26TPM3	Quảng Nam	CT	6.4	7.8	5.8	Ko đạt	Không đạt	12	10	
54	26214718401	Hồ Ngọc Hưng	18/09/1996	K26HP-QLC	Đà Nẵng	7.4	7	KH	KH	Ko đạt	Không đạt	13	2	
55	26212436086	Nguyễn Đức Chương	12/08/2002	K26QNH	Đà Nẵng	7.4	6.8	CT	8.2	Ko đạt	Không đạt	13	8	
56	26211231297	Huỳnh Đình Cẩn	25/03/2002	K26HP-TBM2	Phú Yên	7.7	7	CT	5	Ko đạt	Không đạt	14	3	
57	26211200679	Nguyễn Khắc Luật	26/10/2002	K26HP-TBM2	Quảng Nam	CT	7.6	8.2	7.8	Ko đạt	Không đạt	14	4	
58	26217129250	Vương Phong Danh	13/09/2002	K26KDN2	Đà Nẵng	6.8	7.2	6.8	KĐ	Ko đạt	Không đạt	14	11	
59	26202634009	Nguyễn Thị Thanh Thúy	14/02/2002	K26KDN2	Bình Định	KĐ	KĐ	7	8.4	Ko đạt	Không đạt	14	13	

TT	MA SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp/Khóa	Nơi sinh	HP1	HP2	HP3	HP4	Điểm TBC	Xếp loại	Đại đội	Tiểu đội	GHI CHÚ
60	24208607762	Nguyễn Thị Thanh Thúy	09/01/2000	K26KKT	Quảng Ngãi	6.6	7.6	KH	KH	Ko đạt	Không đạt	14	15	
61	26202534591	Phạm Thị Thanh Thúy	10/11/2001	K26KKT1	Quảng Ngãi	6.6	7	7.8	KĐ	Ko đạt	Không đạt	14	18	
62	26211133079	Huỳnh Tấn Trọng	17/06/2002	K26TMT	Quảng Nam	CT	6	7.9	9	Ko đạt	Không đạt	14	22	
63	26212129357	Dương Quốc Đạt	21/12/2002	K26QTH1	Đà Nẵng	7.6	7.2	6.4	CT	Ko đạt	Không đạt	15	5	
64	26207123242	Lưu Thị Kiều Trâm	12/02/2002	K26QTH1	Quảng Nam	7.6	8.2	CT	KĐ	Ko đạt	Không đạt	15	7	
65	26212142587	Mai Văn Trung	10/11/2001	K26QTH3	Quảng Nam	6.6	7.2	CT	7.2	Ko đạt	Không đạt	15	13	
66	26202530780	Lương Thị Thu Thảo	27/09/2002	K26QTH4	Đắk Lắk	8.8	7.2	6.6	CT	Ko đạt	Không đạt	15	15	
67	26212137486	Trần Minh Đức	28/10/2002	K26QTH5	Quảng Nam	8	CT	6.4	8.4	Ko đạt	Không đạt	16	1	
68	26212142004	Trần Tiến Quang	15/01/2002	K26QTH5	Quảng Nam	CT	CT	7	7.8	Ko đạt	Không đạt	16	2	
69	26212142036	Đỗ Mạnh Dũng	08/04/2002	K26QTH6	Đà Nẵng	6.8	CT	7.6	8.4	Ko đạt	Không đạt	16	4	
70	26212141763	Nguyễn Đức Hoan	08/02/2002	K26QTH8	Đà Nẵng	6	CT	6.4	8.6	Ko đạt	Không đạt	16	10	
71	26201330579	Văn Thị Thanh Hiền	23/09/2002	K26QTH9	Quảng Trị	5.2	CT	6.6	8	Ko đạt	Không đạt	16	13	
72	26202125385	Hồ Thị Trang	15/01/2002	K26QTH10	Đà Nẵng	7	8.2	KH	KH	Ko đạt	Không đạt	17	3	
73	26212133075	Võ Nhất Khang	20/03/2002	K26QTH11	Quảng Nam	7.2	7.4	KH	KH	Ko đạt	Không đạt	17	4	
74	26212122037	Vũ Tạ Tuấn Anh	27/12/2002	K26QTH12	Quảng Ngãi	6.8	CT	7.8	8.4	Ko đạt	Không đạt	17	6	
75	26212100006	Trương Tuấn Thành	20/09/2000	K26QTH12	Quảng Bình	4.6	7.2	7.6	9	Ko đạt	Không đạt	17	8	
76	26202232101	Nguyễn Đoàn Minh Thy	10/04/2002	K26QTH12	Kon Tum	KH	KH	7	7.4	Ko đạt	Không đạt	17	8	
77	25212104929	Huỳnh Phương Nam	18/09/2001	K26QTH14	Quảng Nam	6.8	6.6	5.6	KĐ	Ko đạt	Không đạt	17	13	
78	26202134502	Bùi Phan Gia Hân	24/10/2002	K26HP-QTH1	Đà Nẵng	7.6	7.2	KH	KH	Ko đạt	Không đạt	18	1	
79	26217435994	Nguyễn Hữu Hàn	07/12/2002	K26QNT2	Đà Nẵng	KĐ	KĐ	8.3	8.4	Ko đạt	Không đạt	19	4	
80	26202936099	Trần Bảo Thanh Ly	19/04/2002	K26QTN	Quảng Ngãi	7.8	7.8	6.6	CT	Ko đạt	Không đạt	19	8	

TT	MA SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp/Khóa	Nơi sinh	HP1	HP2	HP3	HP4	Điểm TBC	Xếp loại	Đại đội	Tiểu đội	GHI CHÚ
81	26212235277	Tô Châu Bảo Lân	23/08/2002	K26QTD	Đà Nẵng	CT	7.4	7.6	9	Ko đạt	Không đạt	20	3	
82	26202242452	Nguyễn Tú Trinh	22/07/2002	K26QTM2	Đà Nẵng	9	CT	7.6	8.2	Ko đạt	Không đạt	21	10	
83	26202242054	Nguyễn Thị Thu Uyên	19/08/2002	K26QTM3	Quảng Nam	7.6	CT	8.2	9.2	Ko đạt	Không đạt	22	4	
84	26202232182	Nguyễn Ngọc Ánh	18/11/2002	K26QTM6	Quảng Nam	8	7	8.2	KĐ	Ko đạt	Không đạt	23	1	
85	26207133807	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	04/07/2002	K26QTM6	Đà Nẵng	6.4	6.8	CT	CT	Ko đạt	Không đạt	23	2	
86	26212628188	Nguyễn Việt Đức	27/10/2001	K26QTM7	Quảng Bình	8.2	8.4	CT	CT	Ko đạt	Không đạt	23	4	
87	26217133137	Trần Quang Huy	06/02/2001	K26QTM8	Đà Nẵng	7.4	CT	7.6	9	Ko đạt	Không đạt	23	8	
88	25202112084	Trần Thị Khánh Huyền	10/11/2001	K26QTM4	Hà Tĩnh	7.8	7.6	5.8	KĐ	Ko đạt	Không đạt	23	8	
89	26212226084	Đỗ Văn Nguyên Trung	25/10/2002	K26QTM8	Đà Nẵng	CT	CT	7	7.8	Ko đạt	Không đạt	23	10	
90	2221613468	Phạm Tuấn Quang	20/02/1997	K22CSU-XDD	Phú Yên	KH	CT	KH	KH	Ko đạt	Không đạt	6	8	
91	24213216383	Phan Thái Bình	04/04/1998	K24NAD3	Đà Nẵng	KH	KH	KH	9.4	Ko đạt	Không đạt	23	11	
92	25206617622	Đặng Thị Kim Ngân	08/05/2001	K25CTP	Kon Tum	7.4	5.2	7.4	KĐ	Ko đạt	Không đạt	23	11	
93	25217205456	Võ Thị Thương	08/12/2001	K25NAD6	Quảng Nam	7.6	7.6		7.6	Ko đạt	Không đạt	Đợt 1 Khóa 25 chuyển qua		

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 3 năm 2023

TL. GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG ĐT,QLSV

Trương Thái